

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 16/TPHN/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị**

Địa chỉ: 122 Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: +84 24 3864 2579

Fax: +84 24 3864 2579

E-mail: cskh@huunghi.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 0102109239

Số giấy chứng nhận: HA 460/7.23.CIV. Chứng nhận lần đầu : 17/10/2018. Hiệu lực giấy chứng nhận : 16/03/2023 ÷ 15/03/2026. Nơi cấp: Vietnam Certification Centre (QUACERT).

II. Thông tin sản phẩm

1. **Tên sản phẩm:** Staff bánh mì kẹp phủ phô mai

2. **Thành phần:** Bột mì, Đường, Bơ, Bột phô mai (3%)(Sữa khô, Maltodextrin, Đường, Bột phô mai, Muối, Hương liệu tổng hợp (Phô mai), Chất điều chỉnh độ acid (339(ii), 270, 330), Chiết xuất nấm men, Chất chống đông vón (551), Chất tạo màu tự nhiên (160c), Chất điều vị (635)), Hỗn hợp chất béo (Mỡ và dầu, Chất béo bơ, Chất chống oxy hóa (320), Chất tạo màu tự nhiên (160a(i))), Chất ổn định (1422), Kem whipping, Trứng gà, Men, Sữa đặc, Sữa bột, Muối, Đường Trehalose, Chất bảo quản (281, 282, 202), Chất điều chỉnh độ acid (270), Chất điều vị (1104), Chất nhũ hóa (481(i)), Hương liệu tổng hợp (Sữa).

Thành phần có chứa: Bột mì, Trứng, Sữa, Lecithin từ đậu nành.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 ngày kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất (NSX) 11 ngày trước hạn sử dụng (HSD): xem trên bao bì.

4. Quy cách bao gói và chất liệu bao bì:

- **Chất liệu:** OPP/ CPP, PP, PE, Nhựa PS, PET chuyên dùng đảm bảo yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định Bộ Y Tế.

- **Qui cách bao gói:** 65 g, 70 g, 75 g.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất:

➤ **Sản phẩm của Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị.**

- Địa chỉ: 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- ĐT: +84 24 3664 9451
- Fax: +84 24 3664 2426
- Email: cskh@huunghi.com.vn
- Website: www.huunghi.com.vn

➤ **Sản xuất tại:**

- Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị (H)
 - Địa chỉ: 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Chi nhánh công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị tại miền Bắc (Y)
 - Địa chỉ: Lô CN 15 - 2, Khu công nghiệp Yên Phong mở rộng, xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
- Chi nhánh Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị miền Nam (M)
 - Địa chỉ: Lô CN3 đường số 2, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

✓ Ghi chú: Ký hiệu nơi sản xuất, xem cạnh ngày sản xuất.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (xem mẫu nhãn sản phẩm dự kiến đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm (Phụ lục I đính kèm).

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

2. Thông tư của các Bộ, ngành

- Thông tư số 24/2019/TT-BYT Thông tư quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Thông tư 17/2023/TT-BYT Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.
- Nghị định 43/2017/NĐ-CP về thông tin ghi nhãn hàng hóa.
- Nghị định 111/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều tại nghị định 43/2017/NĐ-CP

3. Tiêu chuẩn nhà sản xuất.

- Giới hạn ô nhiễm vi sinh vật áp dụng theo tiêu chuẩn cơ sở nhà sản xuất.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 14 tháng 05 năm 2025

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Nguyễn Hải

Phụ lục I
TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM

Công ty cổ phần
Thực phẩm Hữu Nghị

Staff bánh mì kẹp phủ phô mai

Số: 16/TPHN/2025

1. Yêu cầu kỹ thuật:

1.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Hình dạng: Dạng 2 lát hình vuông kẹp vào nhau, ở giữa 2 lát và trên bề mặt có phủ 1 lớp sốt mỏng
- Trạng thái: Bánh mềm.
- Màu sắc: Vỏ bánh màu vàng nâu cánh gián, ruột bánh màu trắng, trên bề mặt có lớp sốt màu cam.
- Mùi vị: Mùi thơm đặc trưng của sốt phô mai, vị ngọt, chua nhẹ, thanh mát.
- Tạp chất lạ: Không có.

1.2. Hàm lượng kim loại nặng: áp dụng theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Cadmi (Cd)	ppm	0,1
2	Chì (Pb)	ppm	0,2

1.3. Hàm lượng hóa chất không mong muốn: áp dụng theo QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin B1	µg/kg	2
2	Aflatoxin B1B2G1G2	µg/kg	4
3	Ochratoxin A	µg/kg	3
4	Deoxyvalenol	µg/kg	500
5	Zearalenone	µg/kg	50

1.4 Chỉ tiêu vi sinh vật; áp dụng theo QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn VSV (trong 1g hoặc 1 ml sản phẩm)
1	Enterobacteriaceae	CFU/g	10 ¹
2	Staphylococci dương tính với coagulase	CFU/g	10 ¹
3	L. monocytogens ⁽¹⁾	CFU/g	10 ²
4	Salmonella	CFU/g	KPH

1.5 Giới hạn ô nhiễm vi sinh vật áp dụng theo tiêu chuẩn cơ sở nhà sản xuất.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn VSV (trong 1g hoặc 1 ml sản phẩm)
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10 ⁴
2	Tổng số BTNM-M	CFU/g	10 ²
3	E. Coli	CFU/g	3

2. Hướng dẫn sử dụng, bảo quản và vận chuyển:

2.1. Hướng dẫn sử dụng, bảo quản:

- Hướng dẫn sử dụng: Dùng ăn trực tiếp.
- Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô, mát. Tránh ánh nắng trực tiếp.
- Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng.
- Ngày sản xuất (NSX) và hạn sử dụng (HSD): xem trên bao bì.

2.2. Hướng dẫn bảo quản và vận chuyển:

- Bảo quản:
 - o Thành phẩm bảo quản trong kho phải xếp trên các pallet hoặc giá/kệ, cách mặt đất từ 10 ÷ 15cm, cách tường ít nhất 30 cm.
 - o Kho phải thoáng mát, khô ráo, tránh được mưa nắng.
- Vận chuyển: Thành phẩm được vận chuyển bằng xe chuyên dụng, đảm bảo không bị nắng, mưa. Không vận chuyển thành phẩm cùng với các sản phẩm khác gây ảnh hưởng đến mùi vị của sản phẩm.





ENSURE YOUR SUCCESS

GIẤY CHỨNG NHẬN

Chứng nhận Hệ thống Quản lý An toàn Thực phẩm của

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HỮU NGHỊ

Địa chỉ: Số 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội, Việt Nam

Địa điểm áp dụng:

1. Trụ sở và Nhà máy Định Công: Số 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội, Việt Nam
2. Chi nhánh Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị tại Miền Bắc - Nhà máy Yên Phong: Lô CN 15-2, khu công nghiệp Yên Phong mở rộng, xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
3. Chi nhánh Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị Miền Nam: Lô CN3, đường số 2, khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

đã được đánh giá và xác nhận phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn

SAO Y BẢN CHÍNH

TCVN ISO 22000:2018 / ISO 22000:2018 Số: 10...../SY-TPHN

Hà Nội, ngày 14 tháng 15 năm 2025

Phạm vi được chứng nhận:

1. Sản xuất bánh cracker, lương khô (bánh dinh dưỡng), bánh tươi (bánh gato), bánh mì (bánh mì, Sandwich), đồ uống không cồn, mứt, bánh quy, caramel, sữa chua, thạch, bánh bông lan (cake, cupcake), bánh ngọt (bánh Tart, bánh Mousse, bánh Panna Cotta); Đóng gói kẹo tại Nhà máy Định Công.
2. Sản xuất bánh trung thu, bánh trứng, bánh kem xếp, bánh mì (bánh mì, Sandwich), ruốc, bánh bông lan (cake, cupcake), bánh quy, mứt; Đóng gói kẹo tại Nhà máy Yên Phong.
3. Sản xuất bánh mì (bánh mì, Sandwich), bánh gato, bánh bông lan (cake, cupcake), bánh quy, caramel, sữa chua, thạch, bánh ngọt (bánh Tart, bánh Mousse, bánh Panna Cotta) tại Nhà máy Bình Dương.

Số Giấy chứng nhận:

HA 460/7.23.CIV

Mã ngành: CIV

Hiệu lực Giấy chứng nhận:

Từ ngày 16/03/2023 đến ngày 15/03/2026

Ngày chứng nhận lần đầu:

17/10/2018



CHÁNH VĂN PHÒNG

Vũ Thị Hồng Tiến



JAS-ANZ



Trần Quốc Dũng

QUACERT - 8 Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Hiệu lực của Giấy chứng nhận này có thể kiểm tra tại www.quacert.gov.vn và www.jas-anz.org/register



KHỐI LƯỢNG TỊNH: 65 g

**Staff
Cheese**

**Staff
Cheese**

Tên sản phẩm: Staff bánh mì kẹp phủ phô mai

Thành phần: Bột mì, Đường, Bơ, Bột phô mai (3%)(Sữa khô, Maltodextrin, Đường, Bột phô mai, Muối, Hương liệu tổng hợp (Phô mai), Chất điều chỉnh độ acid (339(ii), 270, 330), Chiết xuất nấm men, Chất chống đông vón (551), Chất tạo màu tự nhiên (160c), Chất điều vị (635)), Hỗn hợp chất béo (Mỡ và dầu, Chất béo bơ, Chất chống oxy hóa (320), Chất tạo màu tự nhiên (160a(i))), Chất ổn định (1422), Kem whipping, Trứng gà, Men, Sữa đặc, Sữa bột, Muối, Đường Trehalose, Chất bảo quản (281, 282, 202), Chất điều chỉnh độ acid (270), Chất điều vị (1104), Chất nhũ hóa (481(i)), Hương liệu tổng hợp (Sữa).

Thành phần có chứa: Bột mì, Trứng, Sữa, Lecithin từ đậu nành.

Hướng dẫn sử dụng: Dùng ăn trực tiếp. Bảo quản nơi khô, mát. Tránh ánh nắng trực tiếp.

NSX: 11 ngày trước HSD

HSD: Xem trên bao bì

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng.



Sản phẩm của: Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị
Địa chỉ: 122 Đinh Công, phường Đinh Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
ĐT: +84 24 36649451 - Fax: +84 24 36642426
E-mail: cskh@huunghi.com.vn;
Website: www.huunghi.com.vn

Sản xuất tại:

Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị (H)

Địa chỉ: 122 Đinh Công, phường Đinh Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Chi nhánh Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị tại Miền Bắc (Y)

Địa chỉ: Lô CN 15-2, Khu công nghiệp Yên Phong mở rộng, xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Chi nhánh Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị Miền Nam (M)

Địa chỉ: Lô CN3 đường số 2, Khu công nghiệp Sông Thần 3, phường Phú Tân, thành phố Thủ Đức, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

*Ghi chú: Ký hiệu nơi sản xuất, xem cạnh ngày sản xuất.

Xuất xứ: Việt Nam

HOTLINE: 024 36649451 **Số công bố:** 16/TPHN/2025



Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa



**ĂN MÌNH ĐI
DO DỰ...
BỤNG ĐÓI MẤT**

THÔNG TIN DINH DƯỠNG

184 KCAL

*Năng lượng cung cấp từ 1 khẩu phần 65 g

Lượng dinh dưỡng được tính trên **100 g**

Tổng calo (Calories): **283**

Calo từ chất béo (Calories from Fat): **41**

% Giá trị dinh dưỡng hàng ngày (*)

Tổng chất béo	4,5 g	7%
Chất béo bão hòa	1,6 g	8%
Chất béo chuyển hóa	0	
Natri	400 mg	16%
Tổng Carbohydrate	54 g	18%
Đường	9 g	
Chất đạm	6,5 g	

(*) Phần trăm dinh dưỡng mỗi ngày cho bạn biết lượng một chất dinh dưỡng có trong một khẩu phần thực phẩm góp phần vào chế độ ăn uống hàng ngày. Lời khuyên dinh dưỡng chung là nên hấp thụ 2000 calo một ngày.

	Calo	2000
Tổng chất béo	Nhỏ hơn	65 g
Chất béo bão hòa	Nhỏ hơn	20 g
Cholesterol	Nhỏ hơn	300 mg
Natri	Nhỏ hơn	2400 mg
Tổng Carbohydrate		300 g
Chất xơ		25 g

VIỆN CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ GIÁM ĐỊNH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL CENTER FOR FOOD ANALYSIS AND ASSESSMENT (NACEFA)



ISO/IEC 17025 – VILAS 259

Địa chỉ (Add.): 301 Nguyễn Trãi – Thanh Xuân – Hà Nội
Điện thoại (Tel.): (84) 24 38582752 Fax: (84) 24 38587962
Email: nacefa@firi.vn Website: <http://www.firi.vn>



Số: 0425035/2/PKQ

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

(Phiếu kết quả này thay thế cho phiếu số 0425035/2/PKQ ngày 07 tháng 05 năm 2025
theo đề nghị xin đổi tên mẫu ngày 09/05/2025)

Tên mẫu: **Staff bánh mì kẹp phủ phô mai**
Mô tả mẫu: **Mẫu đựng trong túi nilon, khoảng 50g, 6 túi/mẫu, bảo quản nhiệt độ thường**
Số lượng mẫu: **01 mẫu**
Khách hàng: **Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị**
Địa chỉ: **122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội**
Ngày nhận mẫu: **23/04/2025**
Thời gian thử nghiệm: **23/04/2025 – 07/05/2025**
Kết quả:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Phương pháp thử
01*	Hàm lượng Arsen (As)	mg/kg	KPH (LOD = 0,015 mg/kg)	FIRI.M.024 (2019)
02*	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/kg	KPH (LOD = 0,015 mg/kg)	FIRI.M.023 (2019)
03*	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH (LOD = 0,002 mg/kg)	AOAC 999.11
04*	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	KPH (LOD = 0,005 mg/kg)	AOAC 999.11
05	Hàm lượng Aflatoxin M1	µg/kg	KPH (LOD = 0,015 µg/kg)	FIRI.M.086 (Ref: TCVN 6685:2009)
06*	Hàm lượng Aflatoxin B1	µg/kg	KPH (LOD = 0,3 µg/kg)	FIRI.M.130 (LC-MS/MS)
07*	Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	KPH (LOD = 0,3 µg/kg)	FIRI.M.130 (LC-MS/MS)
08*	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/kg	KPH (LOD = 0,3 µg/kg)	FIRI.M.167 (LC-MS/MS)
09*	Hàm lượng Deoxynivalenol	µg/kg	KPH (LOD = 30 µg/kg)	FIRI.M.105 (LC-MS/MS)
10*	Hàm lượng Zearalenone	µg/kg	KPH (LOD = 5 µg/kg)	FIRI.M.105 (LC-MS/MS)
11	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	1,3x10 ²	TCVN 4884-1:2015
12	Enterobacteriaceae	CFU/g	KPH (LOD = 1 CFU/g)	TCVN 5518-2:2007
13	Listeria monocytogenes	CFU/g	KPH (LOD = 10 CFU/g)	ISO 11290-2:2017
14	E.coli	CFU/g	KPH (LOD = 1 CFU/g)	TCVN 7924-2:2008
15	Staphylococci dương tính với coagulase	CFU/g	KPH (LOD = 10 CFU/g)	ISO 6888-1:2021
16	Tổng số nấm men, nấm mốc	CFU/g	KPH (LOD = 1 CFU/g)	TCVN 8275-2:2010
17	Salmonella spp.	/25g	KPH (eLOD ₅₀ :1)	TCVN 10780-1:2017

Ghi chú: KPH- Không phát hiện: nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử (LOD).

Hà Nội, ngày 09 tháng 05 năm 2025

GIÁM ĐỐC



Lê Văn Trọng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng cung cấp
- Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Không được sao chép một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Phân tích và giám định thực phẩm Quốc gia
- Chỉ tiêu (*): là chỉ tiêu được công nhận VILAS; chỉ tiêu (**): được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định.

FIRI.L.P.11.F.01

VIỆN CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ GIÁM ĐỊNH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL CENTER FOR FOOD ANALYSIS AND ASSESSMENT (NACEFA)



ISO/IEC 17025 – VILAS 259

Địa chỉ (Add.): 301 Nguyễn Trãi – Thanh Xuân – Hà Nội
Điện thoại (Tel.): (84) 24 38582752 Fax: (84) 24 38587962
Email: nacefa@firi.vn Website: <http://www.firi.vn>



Số: 0425035/1/PKQ

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

(Phiếu kết quả này thay thế cho phiếu số 0425035/1/PKQ ngày 07 tháng 05 năm 2025 theo đề nghị xin đổi tên mẫu ngày 09/05/2025)

Tên mẫu: **Staff bánh mì kẹp phủ phô mai**
Mô tả mẫu: **Mẫu đựng trong túi nilon, khoảng 50g, 6 túi/mẫu, bảo quản nhiệt độ thường**
Số lượng mẫu: **01 mẫu**
Khách hàng: **Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị**
Địa chỉ: **122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội**
Ngày nhận mẫu: **23/04/2025**
Thời gian thử nghiệm: **23/04/2025 – 07/05/2025**
Kết quả:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Phương pháp thử
01*	Hàm lượng Protein (Nx6,25)	g/100g	6,74	TCVN 8125:2015
02	Hàm lượng Lipid	g/100g	4,91	FIRI.M.115 (2019)
03	Hàm lượng Carbohydrate	g/100g	54,62	AOAC 986.25
04*	Hàm lượng Đường toàn phần	g/100g	9,42	FIRI.M.020 (HPLC)
05*	Hàm lượng Sodium (Na)	mg/100g	390,15	FIRI.M.118 (AAS)
06*	Hàm lượng Canxi (Ca)	mg/100g	111,25	FIRI.M.118 (AAS)
07*	Hàm lượng Sắt (Fe)	mg/100g	0,65	AOAC 999.11
08*	Hàm lượng Cholesterol	mg/100g	15,29	FIRI.M.132 (HPLC-PDA)
09	Hàm lượng chất béo bão hòa (Saturated Fat)	g/100g	1,63	AOAC 996.06
10	Hàm lượng chất béo trans (Trans Fat)	mg/100g	KPH (LOD = 1 mg/kg)	AOAC 996.06

Ghi chú: KPH- Không phát hiện: nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử (LOD).

Hà Nội, ngày 09 tháng 05 năm 2025

GIÁM ĐỐC



Lê Văn Trọng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng cung cấp
- Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Không được sao chép một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Phân tích và giám định thực phẩm Quốc gia
- Chỉ tiêu (*): là chỉ tiêu được công nhận VILAS; chỉ tiêu (**): được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định.

FIRI.L.P.11.F.01